

Bản án số: 21/2020/HS-ST  
Ngày: 27/11/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUNPA, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ksor Jă  
2. Ông Nguyễn Lâm

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Văn Thắng – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:** Bà Đỗ Thị Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

**Lại Văn B**, sinh ngày 25/5/1990 tại P, G; nơi cư trú: Thôn S, xã Ia, huyện P, tỉnh G; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Văn N và bà Vũ Thị Th; có vợ là Đinh Thị M và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ ngày 06/6/2020, tạm giam từ ngày 12/6/2020 đến ngày 26/8/2020 được tại ngoại. Có mặt.

**- Bị hại:** Anh Nguyễn Chí L, sinh năm 1990; nơi đăng ký HKTT: Thôn Pleiksing C, xã Ia, huyện P, tỉnh G. Chỗ ở: 99 N, phường C, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Trần Văn D, sinh năm 1980; trú tại: Thôn Y, xã C, huyện P, tỉnh G. Có mặt.

2. Anh Lê Văn P, sinh năm 1972; trú tại: 28 Ng, phường D, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Chị Trần Thị Th, sinh năm 2000; trú tại: 99 N, tổ 5, phường C, thị xã A, tỉnh G. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1981; trú tại: Thôn B, xã K, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.

2. Anh Dư Đại Th, sinh năm 1980; trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh G. Vắng mặt.

4. Anh Võ Văn P, sinh năm 1971; trú tại: Tổ 14, phường H, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên vào khoảng tháng 10/2018, Lại Văn B cho anh Nguyễn Chí L vay số tiền 45.000.000 đồng với mức lãi suất theo thỏa thuận là 3%/tháng. Trong quá trình vay, anh L chỉ trả lãi khoảng 02 lần. Đến tháng 12/2019, anh L đã trả 20.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 25.000.000 đồng. B đòi nợ nhiều lần nhưng anh L không trả. Cùng thời gian này, B quen biết với Đỗ Văn Ng (hay còn gọi là Nghĩa, sinh năm 1981, trú tại X, Th, Thanh Hóa). Khi nói chuyện qua lại với nhau, B kể cho Ng nghe việc L vay tiền nhưng không trả nên Ng đặt vấn đề đòi nợ giúp B.

Vào ngày 04/6/2020, B hẹn gặp Ng tại thành phố P, tỉnh G thống nhất việc Ng đòi nợ cho B và thỏa thuận chia nhau theo tỉ lệ 6:4 (B lấy 6 phần còn Ng lấy 4 phần) trong số tiền nợ đòi được. Đến ngày 06/6/2020, lúc khoảng 11 giờ Ng cùng 04 người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đi xe ô tô biển kiểm soát 82A-030.54 (Ng thuê xe hợp đồng tự lái của anh Lê Văn P) đến nhà B. Tại đây, một người đàn ông tên Đ (trong số 04 người đi cùng Ng) giới thiệu làm việc ở công ty đòi nợ và nói phương thức thực hiện do nhóm của Ng lo. B nghe vậy thì nói “Làm gì thì làm đừng dính đến pháp luật” nhưng nhóm của Ng động viên B yên tâm vì đã làm nhiều lần. Trước khi đi, B nói với nhóm của Ng số tiền nợ của L là 80.000.000 đồng cả gốc lẫn lãi nhưng nếu L trả nhanh thì lấy 60.000.000 đồng (trừ đi 20.000.000 đồng đã trả trước đó còn lại 40.000.000 đồng). Sau đó, B điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 81A-151.85 (B mượn của anh Trần Văn D để sử dụng từ trước đó) chở Ng, còn nhóm của Đ đi xe ô tô biển kiểm soát 82A-030.54 theo sau đến gặp Nguyễn Chí L tại số 99 N, phường C, thị xã A (nhà của vợ L). Trên đường đi, Ng gọi điện cho Đ dặn đậu xe cách xa xe của B có gì gọi sau. Khi đến nơi, B dừng xe trước cổng còn nhóm của Đ đậu xe cách khoảng 30-40 mét. B và Ng vào nhà gặp L nói chuyện trả nợ và yêu cầu L viết giấy nhận nợ nhưng L hẹn đến nhà B giải quyết sau vì đang ở nhà vợ. Thấy vậy, Ng nói L nợ tiền thì phải trả. L nói Ng đừng can thiệp vào nên Ng lấy điện thoại nhắn tin cho nhóm của Đ chạy xe đến trước cổng nhà L. Lúc này 03 người đàn ông xuống xe đi vào nhà kẹp cổ, kẹp tay lôi L lên xe ô tô biển kiểm soát 82A-030.54 rồi chạy về hướng huyện P, còn B chở Ng trên xe ô tô biển kiểm soát 81A-151.85 đi sau. Khi đi đến xã I, huyện P, B dừng xe để Ng sang đi xe với nhóm của Đ đang chờ sẵn còn B lái xe về nhà. Khi B về đến nhà, Nguyễn Chí C (Sinh năm 1996, trú tại xã Ia, huyện P, là em

traí của L) gọi điện thoại cho B hỏi đã đưa L đi đâu thì B nói với C bảo L trả nợ đi chứ chưa làm gì. Nhóm của Ng sau khi bắt, giữ L đưa lên xe ô tô thì tiếp tục chạy về thành phố P. Trên đường đi cả nhóm tiếp tục uy hiếp yêu cầu L gọi điện về cho gia đình để chuyển tiền nhưng L không đồng ý. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày nhóm của Ng thả Lãm tại thành phố P rồi bỏ trốn. Riêng Lại Văn B, nghe thông tin gia đình L trình báo Công an nên đến Công an thị xã Ayun Pa đầu thú.

Quá trình điều tra đã xác định được nhân thân, lai lịch, tiền hành nhận dạng Đỗ Văn Ng nhưng hiện Ng đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can và ra lệnh truy nã đối với Đỗ Văn Ng. Các đối tượng đi cùng Đỗ Văn Ng thực hiện hành vi bắt, giữ người trái pháp luật, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch nên chưa có căn cứ để xử lý.

***Vật chứng đã thu giữ:***

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, loại ACCENT 1.4 MT BASE, màu sơn trắng, biển kiểm soát 81A-151.85, số máy G4LCJU952475, số khung RLUA241BAJN00059.

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, loại PAJERO SPORT, màu sơn vàng, biển kiểm soát 82A-030.54, số máy 4D56UCFX3847, số khung RLA0NKG4WG1000064; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 2952402; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số 00096827.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime màu đen, số seri R58H95F0L4Y, IMEI (khe 1) 353415082895961, IMEI (khe 2) 353416082895914.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A8 Star màu trắng – đen, số seri R58KC2WQW1K, IMEI (khe 1) 356563091208469, IMEI (khe 2) 356564091208467, kèm theo sim di động có số thuê bao 0979.758.606. số seri sim: 8984.04800.00261.45321.

- 01 (một) thẻ căn cước công dân số 038081007962 mang tên Đỗ Văn Ng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô biển kiểm soát 81A-151.85 cho anh Trần Văn D là chủ sở hữu hợp pháp; trả lại xe ô tô biển kiểm soát 82A-030.54, giấy chứng nhận kiểm định và giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện cho anh Lê Văn P là chủ sở hữu hợp pháp.

***Về trách nhiệm dân sự:*** Anh Nguyễn Chí L không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lại Văn B. Đối với số tiền anh L còn nợ bị cáo B hiện gia đình anh L đã trả xong.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 01/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Lại Văn B về tội Bắt, giữ người trái pháp luật, theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lại Văn B về tội Bắt, giữ người trái pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lại Văn B từ 09

đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Anh Nguyễn Chí L không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập đến.

- *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lại Văn B 02 chiếc điện thoại di động:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime màu đen, số seri R58H95F0L4Y, IMEI (khe 1) 353415082895961, IMEI (khe 2) 353416082895914.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A8 Star màu trắng – đen, số seri R58KC2WQW1K, IMEI (khe 1) 356563091208469, IMEI (khe 2) 356564091208467, kèm theo sim di động có số thuê bao 0979.758.606. số seri sim: 8984.04800.00261.45321.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Lời khai nhận tội của bị cáo Lại Văn Bằng tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ việc anh Nguyễn Chí L nợ tiền của bị cáo và bị cáo đã đòi nhiều lần không được nên vào ngày 06/6/2020 bị cáo Lại Văn B đã thuê và dẫn Đỗ Văn Ng cùng 04 người đàn ông khác (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) đến số nhà 99 N, phường C, thị xã A, tỉnh G thực hiện việc đòi nợ. Tại đây, anh L không chấp nhận làm việc với nhóm của Ng và có thái độ phản ứng. Bực tức với thái độ của anh L, Ng đã cho đồng bọn của mình không chế, bắt anh L đưa lên xe ô tô và chở đến thành phố P để uy hiếp buộc anh L phải trả tiền. Bị cáo Lại Văn B không cố ý bắt, giữ anh L từ trước, nhưng chứng kiến toàn bộ sự việc Ng và đồng bọn bắt giữ anh L nhằm mục đích đòi nợ thuê cho mình. Bị cáo đã không ngăn cản mà thống nhất với hành vi bắt, giữ người trái pháp luật của Đỗ Văn Ng và đồng bọn. Sau khi bắt giữ anh L đưa lên ô tô, bị cáo đồng ý để đồng bọn của Ng đưa anh L đi. Bản thân bị cáo còn lái xe chở Ng đi theo chiếc xe đang giữ và chở anh L. Do vậy, hành vi của bị cáo Lại Văn B phải đã phạm tội Bắt giữ người trái pháp luật với vai trò đồng phạm.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của con người được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo về tội Bắt, giữ người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của BLHS là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

**[3]** *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.*

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã luôn thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải. Sau khi vụ án bị án phát hiện, bị cáo đã ra đầu thú khai rõ hành vi phạm tội. Đã xin lỗi bị hại và gia đình bị hại, được bị hại thông cảm có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS giảm nhẹ TNHS cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Bản thân bị cáo có đủ điều kiện để tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nên căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và giao về cho UBND xã nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

**[4]** *Đối với hành vi phạm tội của Đỗ Văn Ng:* Quá trình điều tra đã xác định được nhân thân, lai lịch bị can. Hiện tại bị can Nghĩ đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can và ra lệnh truy nã nhưng chưa bắt được bị can nên đang quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Đỗ Văn Ng để xử lý sau. Đối với 04 đối tượng cùng Đỗ Văn Ng thực hiện hành vi bắt, giữ anh Nguyễn Chí L, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch nên chưa có căn cứ để xử lý. Sau khi bắt được Đỗ Văn Ng sẽ tiến hành xác định nhân thân, lai lịch để điều tra, xử lý sau.

**[5]** *Đối với anh Trần Văn D là người đã cho bị cáo Lại Văn B mượn xe ô tô biển kiểm soát 81A-151.85 và anh Lê Văn P là người đã cho Đỗ Văn Ng thuê xe ô tô biển kiểm soát 82A-030.54.* Xét thấy cả anh D và anh P đều không biết B và Ng sử dụng tài sản của mình vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý.

**[6]** *Về trách nhiệm dân sự:* Anh Nguyễn Chí L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[7]** *Về xử lý vật chứng:*

Đối với 02 chiếc điện thoại được đang tạm giữ của bị cáo Lại Văn B. Kết quả điều tra xác định các tài sản nói trên không liên quan đến việc thực hiện tội phạm của bị cáo nên căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 thẻ căn cước công dân số 038081007962 mang tên Đỗ Văn Ng. Hiện tại cơ quan CSĐT Công an thị xã Ayun Pa đã khởi tố ra quyết định truy nã đối với bị can Đỗ Văn Ng nên cần giao thẻ căn cước nói trên cho cơ quan CSĐT Công an thị xã Ayun Pa tạm giữ để phục vụ công tác điều tra.

Đối với các vật chứng gồm 02 xe ô tô, trong đó: 01 xe ô tô biển kiểm soát 81A-151.85; 01 xe ô tô biển kiểm soát 82A-030.54, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần Văn D và anh Lê Văn P là chủ sở hữu hợp pháp.

**[7]** *Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên:* Cơ quan điều tra Công an thị xã Ayun Pa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

**[8]** *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lại Văn B phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lại Văn B **09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18 (mười tám)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

*(Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2020 đến ngày 26/8/2020)*

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ia, huyện P, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

2. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lại Văn B 02 chiếc điện thoại di động:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime màu đen, số seri R58H95F0L4Y, IMEI (khe 1) 353415082895961, IMEI (khe 2) 353416082895914.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A8 Star màu trắng – đen, số seri R58KC2WQW1K, IMEI (khe 1) 356563091208469, IMEI (khe 2) 356564091208467, kèm theo sim di động có số thuê bao 0979.758.606. Số seri sim: 8984.04800.00261.45321.

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ayun Pa và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai)*

Giao 01 thẻ căn cước công dân số 038081007962 mang tên Đỗ Văn Ng cho cơ quan CSĐT Công an thị xã Ayun Pa tạm giữ để phục vụ công tác điều tra.

3. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lại Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

#### *4. Quyền kháng cáo:*

Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020 đối với những người có mặt tại phiên tòa; Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày trích lục bản án được tổng đạt hợp lệ đối với những người vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo đối với phần bản án liên quan đến bản thân mình.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- CQ. CSĐT Công an TX. Ayun Pa;
- CQ.THA HS Công an TX. Ayun Pa;
- Chi cục THA DS TX. Ayun Pa;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HSVA, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Toàn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ                      THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**



**Ksor Jă**

**Kpă Kinh**

**Nguyễn Văn Toàn**